

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội có tính chất đặc thù tỉnh Cao Bằng năm 2022

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng

Căn cứ Công văn số 5924/BNV-TCBC ngày 25/11/2021 của Bộ Nội vụ về việc số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Cao Bằng năm 2022, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội có tính chất đặc thù năm 2022, cụ thể như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

2. Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

3. Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

3. Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

4. Công văn số 5924/BNV-TCBC ngày 25/11/2021 của Bộ Nội vụ về việc số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Cao Bằng năm 2022.

II. KẾ HOẠCH GIAO SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP VÀ CÁC TỔ CHỨC HỘI CÓ TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ NĂM 2022

1. Kết quả thực hiện biên chế năm 2021

1.1. Số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập (biên chế sự nghiệp) giao năm 2021

- Bộ Nội vụ thẩm định: **16.041 biên chế¹** trong các đơn vị sự nghiệp công lập. Không tính biên chế giao cho các Hội đặc thù: 76 biên chế².

- Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh giao cho các đơn vị sự nghiệp công lập: **16.036 biên chế³**, (Không tính Hội có tính chất đặc thù: 76 biên chế). Biên chế dự phòng: **05 biên chế**.

1.2. Kết quả thực hiện (Tính đến ngày 31/10/2021)

- Số người sử dụng: **15.648/16.041 người (97,55%)**;

- Số chưa sử dụng: **393 người (2,45%)**, trong đó: Sở, ban, ngành: 152 người (0,9%); UBND các huyện, thành phố 236 người (1,47%); Biên chế dự phòng: 05 biên chế (0,03%). Lý do chưa sử dụng hết biên chế: Do sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập, viên chức nghỉ hưu đúng độ tuổi theo Luật Bảo hiểm xã hội, tinh giản biên chế, chuyển công tác, thôi việc, chết...

2. Kế hoạch giao tổng số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2022

Tổng số người làm việc: **16.041 biên chế**, trong đó:

2.1. Phân bổ theo nguồn hưởng lương/tổng biên chế giao

- Số biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước: **15.747 biên chế (98,17%)**;
- Số biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: **289 biên chế (1,8%)**;
- Biên chế dự phòng: **05 biên chế (0,03%)**.

2.2. Phân bổ theo cấp quản lý/tổng biên chế giao

- Đơn vị sự nghiệp thuộc Sở, ban, ngành: **5.711 biên chế (35,60%)**; trong đó:
+ Số biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 5.443 biên chế (95,30%).

+ Số biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: 268 biên chế (4,70%).

- Đơn vị sự nghiệp thuộc UBND các huyện, thành phố: **10.325 biên chế (64,40%)**, trong đó:

¹ Công văn số 4569/BNV-TCBC ngày 03/9/2020 của Bộ Nội vụ về việc số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Cao Bằng năm 2020.

² Từ năm 2018, Bộ Nội vụ đã tách 76 biên chế các hội đặc thù thành một mục riêng để quản lý theo quy định, không giao theo tổng số biên chế sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

³ Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVI, kỳ họp thứ 15 về việc phê duyệt tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội có tính chất đặc thù năm 2021; Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 của UBND tỉnh về việc giao tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội có tính chất đặc thù năm 2021.

+ Số biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 10.304 biên chế (99,80%);

+ Số biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: 21 biên chế (0,20%).

- Biên chế dự phòng: 05 biên chế (0,03%).

(Có biểu số 01 kèm theo).

II. KẾ HOẠCH GIAO BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC HỘI ĐẶC THÙ NĂM 2022

1. Các Hội đặc thù cấp tỉnh: 63 biên chế;

2. Các Hội đặc thù cấp huyện: 11 biên chế;

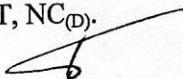
3. Dự phòng: 02 biên chế.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, NC^(D).



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Hoàng Xuân Ánh

7	Sở Lao động-Thương binh&Xã hội	196	187	9	196	194	2	
8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	218	204	14	218	216	2	
9	Sở Khoa học và Công nghệ	44	36	8	44	40	4	
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.644	1.627	17	1.644	1.634	10	
11	Sở Y tế	3.164	3.112	52	3.164	2.924	240	
12	Sở Ngoại vụ	7	7	0	7	7	0	
13	Văn phòng UBND tỉnh	14	13	1	14	14	0	
14	BQL khu kinh tế tỉnh	11	10	1	11	7	4	
15	Đài Phát thanh-Truyền hình	86	66	20	86	82	4	
16	Quỹ Phát triển đất	3	3	0	3	3	0	
17	Quỹ Phát triển khoa học và Công nghệ tỉnh	2	2	0	2	2	0	
II	HUYỆN, THÀNH PHỐ	10.325	10.089	236	10.325	10.304	21	
1	Bảo Lâm	1.332	1.321	11	1.332	1.332	0	
2	Bảo Lạc	1.147	1.147	0	1.147	1.147	0	
3	Hà Quảng	1.526	1.462	64	1.526	1.520	6	Giám 06 biên chế do hợp nhất huyện

4	Hà Lang	509	493	16	509	509	0	
5	Hòa An	905	885	20	905	905	0	
6	Nguyễn Bình	892	872	20	892	892	0	
7	Quảng Hòa	1.188	1.117	71	1.188	1.188	0	
8	Thạch An	659	659	0	659	659	0	
9	Trùng Khánh	1.231	1.214	17	1.231	1.226	5	Giảm 05 biên chế do hợp nhất huyện
10	TP. Cao Bằng	936	919	17	936	926	10	
III	DỰ PHÒNG	5		5	5			

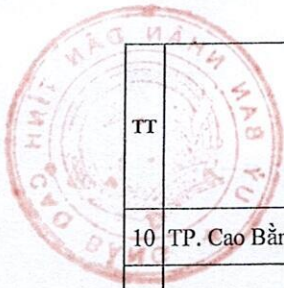
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG



BIỂU DỰ KIẾN GIAO BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP
ĐỐI VỚI CÁC HỘI CÓ TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ NĂM 2022

(Kèm theo Tờ trình số 3282/TT-UBND ngày 26/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

TT	Cơ quan, đơn vị	Biên chế giao năm 2021	Có mặt đến tháng 31/10/2021	Biên chế chưa sử dụng	Dự kiến biên chế giao năm 2022		Ghi chú
					Giao năm 2022	Giảm so với giao năm 2021	
	TỔNG CỘNG	76	70	8	76	-2	
I	CÁC HỘI Ở CẤP TỈNH	63	59	6	63	0	
1	Liên minh Hợp tác xã	14	12	2	14	0	
2	Hội Văn học nghệ thuật	7	7	0	7	0	
3	Hội Chữ thập đỏ	7	7	0	7	0	
4	Hội Người mù	5	5	0	5	0	
5	Hội Đông y	6	3	3	6	0	
6	Hội Nhà báo	5	4	1	5	0	
7	Hội Khuyến học	1	1	0	1	0	
8	Hội Luật gia	1	1	0	1	0	
9	Hội Bảo vệ thiên nhiên và môi trường	1	1	0	1	0	
10	Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật	6	6	0	6	0	
11	Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi	1	1	0	1	0	
12	Hội Làm vườn	3	3	0	3	0	
13	Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin	1	1	0	1	0	
14	Hội Cựu thanh niên xung phong	1	1	0	1	0	
15	Hội Kiến trúc sư	1	1	0	1	0	
16	Ban Đại diện Hội người cao tuổi	1	1	0	1	0	
17	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	2	2	0	2	0	
II	HỘI CHỮ THẬP ĐỎ TẠI CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ	13	11	2	11	-2	
1	Bảo Lâm	1	1	0	1	0	
2	Bảo Lạc	1	1	0	1	0	
3	Hà Quảng	2	2	0	2	0	
4	Hạ Lang	1	1	0	1	0	
5	Hòa An	1	1	0	1	0	
6	Nguyên Bình	1	1	0	1	0	
7	Quảng Hòa	2	1	1	1	-1	Giảm 01 biên chế chưa sử dụng do hợp nhất huyện
8	Thạch An	1	1	0	1	0	
9	Trùng Khánh	2	1	1	1	-1	Giảm 01 biên chế chưa sử dụng do hợp nhất huyện



TT	Cơ quan, đơn vị	Biên chế giao năm 2021	Có mặt đến tháng 31/10/2021	Biên chế chưa sử dụng	Dự kiến biên chế giao năm 2022		Ghi chú
					Giao năm 2022	Giảm so với giao năm 2021	
10	TP. Cao Bằng	1	1	0	1	0	
III	Dự phòng				2		

Số: /NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập
và các tổ chức hội có tính chất đặc thù tỉnh Cao Bằng năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 7**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị
lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ
thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các
đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ
ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 -
2030;*

*Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của
Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự
nghiệp công lập;*

*Công văn số 5924 /BNV-TCBC ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Bộ Nội vụ
về việc số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh
Cao Bằng năm 2022;*

*Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày ...tháng ...năm 2021 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về việc thông qua số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và
các tổ chức hội có tính chất đặc thù tỉnh Cao Bằng năm 2022; Báo cáo thẩm tra
của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu
Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt tổng số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập

và các tổ chức hội có tính chất đặc thù năm 2022, cụ thể như sau:

I. Các đơn vị sự nghiệp công lập (biên chế sự nghiệp): 16.041 biên chế, trong đó:

1. Phân bổ theo nguồn hưởng lương/tổng biên chế giao

- Số biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước: **15.747** biên chế (98,17%);
- Số biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: **289** biên chế (1,8%);
- Biên chế dự phòng: **05** biên chế (0,03).

2. Phân bổ theo cấp quản lý/tổng biên chế giao

- Đơn vị sự nghiệp thuộc Sở, ban, ngành: **5.711** biên chế (35,60%); trong đó:
+ Số biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 5.443 biên chế (95,30%).

+ Số biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: 268 biên chế (4,70%).

- Đơn vị sự nghiệp thuộc UBND các huyện, thành phố: **10.325** biên chế (64,40%), trong đó:

+ Số biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 10.304 biên chế (99,80%);

+ Số biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: 21 biên chế (0,20%).

- Biên chế dự phòng: **05** biên chế (0,03%).

II. Các tổ chức hội có tính chất đặc thù: 76 biên chế, trong đó:

1. Các Hội đặc thù cấp tỉnh: 63 biên chế;

2. Các Hội đặc thù cấp huyện: 11 biên chế;

3. Dự phòng: 02 biên chế.

(Có Phụ lục giao biên chế kèm theo).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khoá XVII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày tháng năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Triệu Đình Lê

PHỤ LỤC TỔNG SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP VÀ CÁC TỔ CHỨC HỘI CỐ TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số

/NQ-HĐND ngày

tháng

năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị tính: Người làm việc

TT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số		Trong đó phân theo lĩnh vực										
		Trong đó		Giáo dục		Y tế		Văn hóa, thể thao		Khoa học		Kinh tế		
		Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Hưởng lương từ ngân sách nhà nước	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	
A	CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP	16.041	15.747	289	11.681	33	2.989	240	484	6	42	4	551	6
I	Sở, ban, ngành	5.711	5.443	268	1.763	12	2.989	240	298	6	42	4	351	6
1	Sở Nội vụ	15	15										15	
2	Sở Tư pháp	40	39	1									39	1
3	Sở Công Thương	24	23	1									23	
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	144	144										144	
5	Sở Tài nguyên và Môi trường	75	75										75	
6	Sở Thông tin và Truyền thông	24	24										24	
7	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	196	194	2	129	2	65							
8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	218	216	2					216	2				
9	Sở Khoa học và Công nghệ	44	40	4								40	4	

